

Bản án số: 945/2020/HNGD-ST

Ngày: 13 - 8 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Chí

2/ Ông Phan Minh Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên – *Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 517/2020/TLST- HN ngày 18 tháng 5 năm 2020 về: “ Tranh chấp ly hôn” Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2020/GĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2020 và quyết định hoãn phiên Tòa số: 198/QĐST-HN ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số A đường N, Phường V, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số A, đường N, Phường V, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn B kết hôn năm 1990 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không khí gia đình căng thẳng, sống chung không hạnh phúc. Ông B đi nhậu về thường hay kiểm soát mắng chửi bà. Năm 2013 bà đã nộp đơn ly hôn một lần nhưng bà lại rút đơn ly hôn vì bà muốn cho ông B một cơ hội, nhưng từ đó đến nay vợ chồng cũng không cải thiện được mối quan hệ mà ngày càng trầm trọng hơn. Bà và ông B đã

ly thân từ năm 2017 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông B.

Quá trình chung sống bà H và ông B có 02 con chung tên là Nguyễn Thị L, sinh ngày 04/3/1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/3/1996 các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày trong bản tự khai và lần hòa giải 1: Ông và bà H sống chung từ năm 1990 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bà H đi chơi với công ty không cho ông đi nên về ông gây gỗ, chửi vợ, là do nhà về bên ngoại ở đến nay. Ông B khai việc ông đi nhậu về có gây gỗ, chửi vợ, là do lúc đó ông nóng, sau đó tỉnh ông đã xin lỗi bà H. Theo ông B mâu thuẫn vợ chồng ông chưa đến mức ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn, ông mong vợ không nghe lời bên ngoại tác động chia rẽ vợ chồng. Vợ chồng ông có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Lam Hòa, sinh ngày 04/3/1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/3/1996 các con đều đã trưởng thành. Tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án niêm yết triệu tập ông B đến Tòa để tham gia phiên hòa giải lần thứ 2 nhưng ông B vắng mặt không lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Bà Trần Thị H xin ly hôn với ông Nguyễn Văn B là có căn cứ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Lam Hòa, sinh ngày 04/3/1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/3/1996 các con đều đã trưởng thành.
- Về tài sản chung: Đang sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.
- Về án phí: Đang sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Nguyễn Văn B là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ phiếu yêu cầu xác minh ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, kết quả xác minh của Công an Phường 7, quận Gò Vấp cho biết ông Nguyễn Văn B đang cư trú tại số 129/10 đường Nguyễn Văn Nghi, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2] Tòa án đã triệu tập đến lần thứ hai nhưng ông B vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số: 85 quyền số 01/1990 ngày 01/12/1990 do Ủy ban nhân dân Phường 07, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thể hiện hôn nhân giữa bà Trần Thị H với ông Nguyễn Văn B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà H xét thấy trong thời gian chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà H đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Năm 2013 bà H đã nộp đơn ly hôn một lần, nhưng sau đó Tòa án hòa giải nên bà đã rút đơn ly hôn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn gia đình, nhưng mâu thuẫn vẫn kéo dài đến nay. Bà H, ông B đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà xác định tình cảm không còn nên bà quyết định ly hôn. Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường 7, quận Gò Vấp, Hội liên hiệp phụ nữ Phường 7, quận Gò Vấp xác nhận bà H ông B sống chung không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra một thời gian dài mà không thể hàn gắn được, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên cương quyết giữ yêu cầu xin ly hôn. Mục đích hôn nhân không đạt được thì không nhất thiết phải kéo dài cuộc sống vợ chồng nữa, hiện vợ chồng đã sống ly thân; Tòa án cũng đã triệu tập ông Nguyễn Văn

B đến Tòa để tham dự phiên hoà giải lần thứ 2, tham dự phiên Tòa, nhưng ông B vẫn không có mặt, thể hiện ông B bỏ mặc kết quả xin ly hôn của bà H tại Tòa. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Nguyễn Văn B.

[5] Về con chung: Bà H và ông B có 02 con chung tên là Nguyễn Thị L, sinh ngày 04/3/1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/3/1996 các con đều đã trưởng thành.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này, nên Tòa án không xem xét.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về yêu cầu xin ly hôn của bà H có căn cứ chấp nhận. 02 con chung đã đến tuổi trưởng thành. Đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nên không xét.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Luật án phí lệ phí 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn B (Giấy chứng nhận kết hôn số: 85 quyền số 01/1990 ngày 01/12/1990 do Ủy ban nhân dân Phường 07, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị).

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị L, sinh ngày 04/3/1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/3/1996 các con đều đã đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã đóng tạm nộp theo biên lai thu số AA/2019/0026100 ngày 18/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi Cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND P.7, Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bình

Chu Thị Bình

